

Số: **11** /GPMT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~06~~ tháng **3** năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Công văn số 5061/UBND-ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân công ký Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và ký cấp Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Nhà Bè” tại ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra cơ sở ngày 21 tháng 9 năm 2022;

Xét Văn bản số 8291/DVN-KTAT ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Nhà Bè” tại ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 173/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần, địa chỉ tầng 14 - 18, Tòa nhà PetroVietNam Tower, số 1 – 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Nhà Bè”, tại ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên chủ cơ sở: Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần.
- 1.2. Địa điểm trụ sở chính: Tầng 14 – 18, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1 – 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305795054 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 30 tháng 9 tháng 2020.
- 1.4. Tên cơ sở: Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần – Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Nhà Bè
- 1.5. Địa điểm hoạt động: Ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.6. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số Chi nhánh 0305795054-006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 3 năm 2022.
- 1.7. Mã số thuế: 0305795054.
- 1.8. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kho chứa nhiên liệu xăng dầu.
- 1.9. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:
 - Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
 - Tổng diện tích khu đất thực hiện: 133.287m² (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT34635 ngày 27 tháng 5 năm 2014).
 - Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Quy mô công trình hiện nay gồm:
 - + Cảng nhập xăng dầu có thể cập tàu tải trọng 40.000 DWT và cảng xuất xăng dầu có thể cập tàu tải trọng 5.000 DWT
 - + Khu bể chứa xăng dầu sức chứa 170.000 m³ gồm 10 bể trụ đứng 5.000 m³, 05 bể trụ đứng 10.000 m³, 01 bể trụ đứng 20.000 m³ và 02 bể trụ đứng 25.000 m³.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
 2. Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần có trách nhiệm:
 - 2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.
 - 2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.
- Điều 3:** Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.
- Điều 4:** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBTP: CT, các PCT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhà Bè;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Phòng ĐT, KT;
- Lưu: VT (ĐT-LHT). 08.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Xuân Cường



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1 Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vực văn phòng (nước thải sinh hoạt), nhà vệ sinh, lavabo, rửa sàn.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

1.2 Nguồn số 02: Nước thải nhiễm xăng dầu (nước thải sản xuất) phát sinh từ nước mưa rơi trên mái bể, trên khu vực nhà bơm dầu; hồ gạt dầu; phân xưởng bảo trì, sửa chữa cơ khí; phòng hoá nghiệm; từ hoạt động vệ sinh thùng chứa rác.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm: BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng dầu mỡ khoáng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1 Dòng thải số 01:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của Thành phố tại ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vị trí đầu nối xả thải: hồ ga gần cổng chính của cơ sở tại ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°): X = 1.181.218; Y = 609.738.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày.đêm.

2.2. Dòng thải số 02

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Nhà Bè tại ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Vị trí đầu nối xả thải: Sông Nhà Bè tại ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): $X = 1.181.472$; $Y = 609.896$.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $85 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: Cơ sở có xây dựng 2 hệ thống xử lý nước thải sản xuất với tổng công suất xử lý $85 \text{ m}^3/\text{giờ}$, tuy nhiên căn cứ theo lượng nước xả thải thực tế tại cơ sở, do đó cơ sở đề nghị cấp phép với lưu lượng xả nước thải tối đa $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B ($K=1$) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải kho xăng dầu QCVN 29:2010/BTNMT – Cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Nguồn số 01					
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần (theo đề xuất của chủ cơ sở tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt	mg/l	10		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	động bề mặt				
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
Nguồn số 02					
1	pH	-	5,5 - 9,0	03 tháng/lần (theo đề xuất của chủ cơ sở tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	COD	mg/l	100		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng: từ các nhà vệ sinh, lavabo, rửa sàn...) được thu bằng các ống đứng thoát nước uPVC đường kính DN60 và tự chảy vào bể tự hoại cải tiến BASTAF có thể tích 21m³ (xây ngầm dưới đất) để xử lý.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực nhiễm xăng dầu bao gồm nước mưa rơi trên mái bể, trên khu vực nhà bơm dầu, nhà xuất dầu ô tô, khu vực bồn chứa nhiên liệu, nước thải từ hố gạn dầu, nước thải từ phân xưởng bảo trì, sửa chữa cơ khí, nước thải từ phòng hoá nghiệm); nước rửa thùng chứa chất thải rắn, vệ sinh nhà chứa rác, thực hiện rửa thùng chứa tại khu chứa rác ngoài trời, được dẫn vào rãnh thoát nước bằng bê tông kết hợp gạch (đáy rãnh đổ bê tông đá 1x2, thành rãnh xây gạch thể dày 200 mm, nắp bê tông, bề rộng 300 mm), tổng chiều dài rãnh quanh bể 100 m. Ống dẫn nước thải nhiễm dầu bằng vật liệu HDPE D250mm với tổng chiều dài 1.500 m và đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

❖ Nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể BASTAF → Bể khử trùng → hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

❖ Nguồn số 02:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Bể lắng cát → Bể lắng dầu → Bể điều hòa → Thiết bị xử lý 45 m³/h SEMULTECH PAD – 740 hoặc cụm xử lý nước thải 40 m³/h ASIATECH → Sông Nhà Bè

- Công suất thiết kế: 85 m³/h.

- Hóa chất sử dụng: PAC, NaOH, Polymer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo kinh phí, nhân lực đầy đủ cho hệ thống xử lý nước thải và phân công cán bộ tham gia huấn luyện vận hành.

- Thực hiện nạo vét, khơi thông đường ống theo định kỳ.

- Thực hiện đúng hướng dẫn vận hành kỹ thuật của đơn vị tư vấn thiết kế đã chuyển giao.

- Các công trình, đường ống và thiết bị phải đảm bảo kín, không chế được sự rò rỉ của nước thải, bùn và khí thải ra môi trường.

- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đúng hướng dẫn nhà cung cấp.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom bùn thải theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Đã thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành số 5602/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 29 tháng 5 năm 2013 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Mở rộng Tổng kho Xăng

dầu Nhà Bè giai đoạn 3, công suất 70.000 m³” tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 433/GP-STNMT-TNNKS ngày 03 tháng 05 năm 2019.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải; xây dựng hồ ga nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **11** /GPMT-UBND ngày **06** tháng **3** năm **2023**
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng số 1, lưu lượng 5.852 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng số 2, lưu lượng 5.852 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải 01: Tương ứng với ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1, công suất 210 kVA (380V, 50Hz), tọa độ vị trí xả thải: X = 1.181.314; Y = 609.779.

- Dòng khí thải 02: Tương ứng với ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng số 2, công suất 210 kVA (380V, 50 Hz), tọa độ vị trí xả thải: X = 1.181.316; Y = 609.783.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải 01: Lưu lượng khí thải lớn nhất 5.852m³/giờ.
- Dòng khí thải 02: Lưu lượng khí thải lớn nhất 5.852m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1, K_v = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tuần suất quan trắc định kỳ	Tuần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không thuộc	Không thuộc

2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	800	đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	464		
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	400		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải được thu gom và thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải bằng thép, đường kính 300mm, chiều cao 3,5m.
- Nguồn số 02: Khí thải được thu gom và thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải bằng thép, đường kính 300mm, chiều cao 3,5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1 Hệ thống thoát khí số 01 và số 02

- Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → ống thoát khí thải → môi trường
- Thông số kỹ thuật: ống thoát khí thải bằng thép, đường kính 300mm, chiều cao 3,5m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị; kiểm tra việc rò rỉ, khắc phục sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.
- Đảm bảo vận hành thường xuyên các công trình xử lý chất thải đúng kỹ thuật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Đã thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành số 5602/GXN-TNMT-CCBVMТ ngày 29 tháng 5 năm 2013 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Mở rộng Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè giai đoạn 3, công suất 70.000 m³” tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè

của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$).

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **11** /GPMT-UBND ngày **06** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào công cơ sở.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ hoạt động máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.181.481; Y = 609.881.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.181.515; Y = 610.113.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.181.321; Y = 609.797.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện dự phòng đặt trong phòng kín, cách âm, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su, trang bị các bộ tiêu âm; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.

- Lắp đặt đệm chống rung bằng đệm cao su cho máy móc trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo độ cân bằng của máy móc khi hoạt động.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.



PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **11** /GPMT-UBND ngày **06** tháng **3** năm 2023
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn từ bể chứa dầu (bao gồm bùn từ trạm xử lý nước thải, bùn nạo vét từ quá trình súc rửa bồn bể)	01 04 02	60.000
2	Bóng đèn hỏng	16 01 06	6
3	Pin thải	16 01 12	18
4	Giẻ lau	18 02 01	2.000
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	2.000
Tổng khối lượng			64.024

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng	0,00	0,00
2	Chất thải sinh hoạt khác	1,378	16,536
Tổng khối lượng		1,378	16,536

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 04 thùng 120lít, bên ngoài thùng được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 90m².
- Vị trí: tại phía cuối cơ sở, gần khu xử lý nước thải.
- Thiết kế, cấu tạo của kho: tường bao, nền bê tông, che kín nắng mưa, được thiết kế để hạn chế gió lùa trực tiếp vào bên trong, có gờ chắn, có rãnh thu gom và hồ thu trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ chất thải lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 05 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt loại 240 lít đặt tại các vị trí phát sinh chất thải (bao gồm: nhà văn phòng, sân tennis, xưởng cơ khí,...).

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: nền bê tông, đặt ngoài trời gần sân tennis.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **41** /GPMT-UBND ngày **06** tháng **3** năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại:

- Quyết định số 858/QĐ-TNMT-QLMT ngày 11 tháng 10 năm 2011 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng Tổng kho xăng dầu Nhà Bè giai đoạn 3, công suất 70.000 m³” tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè của Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

- Giấy xác nhận số 5602/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 29 tháng 5 năm 2013 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Mở rộng Tổng kho xăng dầu Nhà Bè giai đoạn 3, công suất 70.000 m³” tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè của Tổng Công ty Dầu Việt Nam.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

